

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 10 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCELLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ BÌNH

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Phạm Tuấn Anh	01	48	7,0	Bảy	
2	Lê Thị Ánh	02	11	7,5	Bảy rưỡi	
3	Dương Thị Ánh	03	01	7,5	Bảy rưỡi	
4	Dương Quang Ba	04	33	7,0	Bảy	
5	Phạm Văn Bằng	05	28	8,0	Tám	
6	Lê Việt Cường	06	02	8,0	Tám	
7	Dương Quang Dậu	07	15	6,0	Sáu	
8	Đặng Thị Giang	08	63	8,0	Tám	
9	Nguyễn Thu Giang	09	64	8,0	Tám	
10	Lý Thị Hương Giang	10	-	-	-	Vắng thi
11	Nguyễn Xuân Giang	11	14	6,0	Sáu	
12	Trần Bá Hà	12	71	7,0	Bảy	
13	Nguyễn Thị Hà	13	32	7,0	Bảy	
14	Dương Thị Hải	14	35	8,0	Tám	
15	Ngô Thị Hải	15	08	7,5	Bảy rưỡi	
16	Lê Thị Hằng	16	77	7,5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Thị Hoa	17	73	8,0	Tám	
18	Liễu Thị Hoa	18	30	7,0	Bảy	
19	Ngô Thị Thanh Hòa	19	31	7,5	Bảy rưỡi	



✓

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
20	Hà Thị Hương	20	10	8,0	Tám	
21	Nguyễn Thị Hương	21	12	7,0	Bảy	
22	Trần Thị Hương	22	70	7,0	Bảy	
23	Nguyễn Thị Thu Hường	23	69	7,0	Bảy	
24	Dương Thị Huyền	24	29	6,5	Sáu rưỡi	
25	Dương Thị Thu Huyền	25	07	7,0	Bảy	
26	Đào Duy Huỳnh	26	37	6,0	Sáu	
27	Dương Văn Khuê	27	55	6,5	Sáu rưỡi	
28	Nguyễn Thị Hương Lan	28	53	8,0	Tám	
29	Nguyễn Thị Lệ	29	26	8,0	Tám	
30	Dương Thị Liên	30	68	7,0	Bảy	
31	Đồng Thị Lộc	31	22	8,0	Tám	
32	Nguyễn Văn Lợi	32	03	8,0	Tám	
33	Đào Thị Ngọc Mai	33	25	8,0	Tám	
34	Dương Thị Hồng Mến	34	74	8,0	Tám	
35	Tạ Văn Minh	35	66	6,5	Sáu rưỡi	
36	Tạ Văn Nam	36	38	6,0	Sáu	
37	Dương Văn Nam	37	39	6,5	Sáu rưỡi	
38	Đào Thị Nga	38	-	-	-	Bảo lưu
39	Nguyễn Thị Nga	39	45	7,0	Bảy	
40	Nguyễn Văn Ngộ	40	19	6,5	Sáu rưỡi	
41	Nguyễn Lan Ngọc	41	60	7,0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Ngọn	42	61	6,5	Sáu rưỡi	
43	Phạm Thị Ánh Nguyệt	43	09	7,5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Văn Nhân	44	18	7,0	Bảy	
45	Nguyễn Thúy Nhạn	45	51	7,5	Bảy rưỡi	
46	Dương Thị Nhung-1985	46	50	6,5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
47	Dương Thị Nhung-1989	47	75	8,0	Tám	
48	Dương Thị Tuyết Nhung	48	44	6,5	Sáu rưỡi	
49	Nguyễn Thị Phương-1984	49	43	8,0	Tám	
50	Nguyễn Thị Phương-1988	50	59	7,0	Bảy	
51	Nguyễn Thị Phương-1981	51	13	6,5	Sáu rưỡi	
52	Nguyễn Thùy Phương	52	21	7,0	Bảy	
53	Cao Thị Hà Phương	53	36	6,5	Sáu rưỡi	
54	Dương Văn Quang	54	-	-	-	Vắng thi
55	Nguyễn Thị Quân	55	17	7,5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Hữu Quốc	56	47	7,5	Bảy rưỡi	
57	Hoàng Thị Quyên	57	24	7,0	Bảy	
58	Dương Hương Quỳnh	58	46	7,0	Bảy	
59	Hoàng Thị Sen	59	65	7,5	Bảy rưỡi	
60	Phạm Thị Tân	60	23	7,0	Bảy	
61	Dương Thị Thắm	61	40	6,5	Sáu rưỡi	
62	Nguyễn Thị Thắm	62	67	7,5	Bảy rưỡi	
63	Đỗ Xuân Thành	63	41	6,5	Sáu rưỡi	
64	Nguyễn Đăng Thảo	64	06	6,0	Sáu	
65	Ma Thị Thiêm	65	54	7,5	Bảy rưỡi	
66	Ngô Thị Thoa	66	27	6,5	Sáu rưỡi	
67	Dương Thị Thơm	67	05	7,0	Bảy	
68	Dương Thị Thu	68	04	7,5	Bảy rưỡi	
69	Hoàng Thị Diệu Thúy	69	72	7,0	Bảy	
70	Dương Văn Toàn	70	49	6,5	Sáu rưỡi	
71	Nguyễn Thành Trung	71	62	7,5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Anh Tuấn	72	52	7,0	Bảy	
73	Bùi Thị Tuyết	73	58	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
74	Phan Thị Vân	74	56	7,0	Bảy	
75	Nguyễn Thị Cẩm Vân	75	42	7,0	Bảy	
76	Vũ Thị Xâm	76	57	7,0	Bảy	
77	Nguyễn Thị Yến-1986	77	20	7,5	Bảy rưỡi	
78	Nguyễn Thị Yến-1988	78	76	7,0	Bảy	
79	Chu Hải Yến	79	34	6,5	Sáu rưỡi	
80	Nghiêm Thị Yến	80	16	7,5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên